

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HSST  
Ngày: 16/8/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Trần Văn Hân và ông Nguyễn Văn Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Bá Kiên - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:*** bà Dương Thị Kim Tình - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2021/HSST, ngày 20 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐHST-QĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn S (tên gọi khác: Không) - sinh ngày 08/02/1986 tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Văn M và bà Phan Thị T; vợ Trần Thị L (đã ly hôn); con: chưa có. Tiền án: Ngày 20/5/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 03 tháng tù về “tội cướp tài sản”, chấp hành xong ngày 10/7/2018. tiền sự: không. Bị cáo bắt tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến ngày 21/4/2021, sau đó áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+/ Ông Hoàng Thế A - sinh năm 1949

+/ Anh Hoàng Văn Đ - sinh năm 1984.

Cùng trú tại: xóm T, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/ Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1999.

Trú tại: xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/ Anh Lê Văn X - sinh năm 1985.

Trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/ Anh Phan Văn L - sinh năm 1992.

Trú tại: xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/ Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1993.

Trú tại: xóm N, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/- Anh Phạm Quốc V - sinh năm 1990.

Trú tại: xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+/- Anh Đậu Văn H - sinh năm 1984.

Trú tại: xóm 7, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

*(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bị cáo Lê Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An truy tố về hành vi phạm tội như sau.

Trong khoảng thời gian từ ngày 05/11/2020 đến ngày 01/01/2021, Lê Văn S đã liên tiếp cho 08 người vay tiền cụ thể:

Ngày 05/11/2020, S đã cho anh Hoàng Văn Đ vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với lãi suất vay là 4.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,45%/ngày, tương đương với lãi suất 164,25%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng là 30 ngày. Lãi suất gấp 8,2 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi mỗi tháng phải trả là 1.350.000 đồng, S lấy tròn 1.300.000 đồng. Quá trình vay anh Đ đã trả tiền lãi từ ngày 05/11/2020 đến ngày 05/3/2021 là 120 ngày với số tiền 1.300.000 đ/tháng x 4 tháng = 5.200.000 đồng. Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa đối với số tiền trên là 20%/365 ngày x 10.000.000 đồng x 120 ngày = 658.000 đồng. Như vậy S đã thu lợi bất hợp pháp số tiền: 4.542.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh Đ chưa trả cho S.

Ngày 06/11/2020 S cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,4%/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định. Chị H đã trả lãi từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/4/2021 là 4.000đồng/ 1.000.000đồng/ngày x 15.000.000 đồng x 150 ngày = 9.000.000 đồng. Mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của chị Hoài là 20%/365 ngày x 15.000.000 đồng x 150 ngày = 1.233.000 đồng. Như vậy, số tiền mà S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 7.767.000 đồng (bảy triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Số tiền gốc 15.000.000 đồng chị H chưa trả cho Lê Văn S.

Ngày 22/11/2020, S tiếp tục cho chị H vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng với 0,4%/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 7,3 lần lãi suất theo quy định. Từ ngày 22/11/2020 đến ngày 22/12/2020, chị Hoài đã trả cho S 01 tháng tiền lãi với số tiền là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 15.000.000 đồng x 30 ngày = 1.800.000đồng. Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của chị H trong thời gian từ ngày 22/11/2020 đến ngày 22/12/2020 là 20%/365 ngày x 15.000.000 đồng x 30 ngày = 247.000 đồng. Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ

khoản cho vay 15.000.000 đồng là 1.553.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng). Số tiền gốc 15.000.000 đồng chị H đã trả cho S.

Ngày 18/12/2020, chị H tiếp tục vay S 35.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,4%/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định. Quá trình vay, chị H đã trả tiền lãi cho S từ ngày 18/12/2020 đến ngày 18/01/2021 là 30 ngày, tương ứng với số tiền là  $4.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 35.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 4.200.000\text{ đồng}$ . Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của H trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 35.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 576.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 3.624.000 đồng. Số tiền gốc 33.000.000 đồng chị H đã trả cho S.

Ngày 13/11/2020, S đã cho anh Phan Văn L vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 3.500 đồng/1.000.000đồng/ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,35%/ngày tương đương với lãi suất 127,75%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 6,4 lần mức lãi suất theo quy định. Từ ngày 13/11/2020 đến ngày 13/01/2021 anh L đã trả cho S 02 tháng tiền lãi với số tiền là  $3.500\text{ đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 20.000.000\text{ đồng} \times 60\text{ ngày} = 4.200.000\text{ đồng}$ . Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của anh L trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 20.000.000\text{ đồng} \times 60\text{ ngày} = 657.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 3.542.000 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Đối với khoản nợ gốc 20.000.000 đồng, anh L đã trả cho S 5.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2020, S cho anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,4%/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định. Từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/01/2021 anh Đ đã trả cho S 02 tháng tiền lãi với số tiền là  $4.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 10.000.000\text{ đồng} \times 60\text{ ngày} = 2.400.000\text{ đồng}$ . Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của anh Đ trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 10.000.000\text{ đồng} \times 60\text{ ngày} = 329.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 2.071.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng). Số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh Đ đã trả cho S.

Ngày 24/11/2020, S cho anh Phạm Quốc V vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,4%/ngày tương đương với lãi suất 146%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 7,3 lần mức lãi suất theo quy định. Từ ngày 24/11/2020 đến ngày 24/12/2020 anh V đã trả cho S 01 tháng tiền lãi với số tiền là  $4.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 10.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 1.200.000\text{ đồng}$ . Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của anh V trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 10.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 164.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ

khoản cho vay này là 1.036.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh V đã trả cho S.

Ngày 14/12/2020, S cho ông Hoàng Thế A vay số tiền 33.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,3%/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 5,475 lần mức lãi suất theo quy định. Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 14/01/2021 ông A đã trả cho S 01 tháng tiền lãi với số tiền là  $3.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 33.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 2.970.000\text{ đồng}$  (thực tế đã thu 3.000.000 đồng). Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của ông A trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 33.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 543.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 2.457.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Số tiền gốc 33.000.000 đồng, ông A đã trả cho Lê Văn S.

Ngày 18/12/2020, S cho anh Lê Văn X vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,3%/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 5,475 lần mức lãi suất theo quy định. Từ ngày 18/12/2020 đến ngày 18/02/2021 anh X đã trả cho S 02 tháng tiền lãi với số tiền là  $3.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 25.000.000\text{ đồng} \times 60\text{ ngày} = 4.500.000\text{ đồng}$ . Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của anh X trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 25.000.000\text{ đồng} \times 60\text{ ngày} = 822.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 3.678.000 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Số tiền gốc 25.000.000 đồng, anh X đã trả 4.000.000 đồng, số tiền còn lại anh X chưa trả cho S là 21.000.000 đồng.

Ngày 01/01/2021, S cho anh Đậu Văn H vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo thỏa thuận là 3.500 đồng/1.000.000đồng/ngày. Lãi suất tính theo ngày bằng 0,35%/ngày tương đương với lãi suất 127,75%/năm, thời hạn trả lãi suất tính theo tháng, mỗi tháng 30 ngày. Lãi suất gấp 6,4 lần mức lãi suất theo quy định. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/02/2021 anh H đã trả cho S 01 tháng tiền lãi với số tiền là  $3.500\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/1\text{ ngày} \times 20.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 2.100.000\text{ đồng}$ . Theo quy định BLDS hiện hành thì mức tiền lãi tối đa mà S được phép thu của anh H trong thời gian vay nói trên là  $20\%/365\text{ ngày} \times 20.000.000\text{ đồng} \times 30\text{ ngày} = 329.000\text{ đồng}$ . Như vậy, S đã thu lợi bất hợp pháp từ khoản cho vay này là 1.771.000 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng). Số tiền gốc 20.000.000 đồng, anh H đã trả 15.000.000 đồng, số tiền còn lại anh H chưa trả cho S là 5.000.000 đồng.

Như vậy, liên tiếp từ ngày 05/11/2020 đến ngày 01/01/2021, Lê Văn S đã cho 08 người nói trên vay tiền với tổng số tiền là 193.000.000 (một trăm chín mươi ba triệu đồng). Lãi suất cho vay từ 3.000 đồng đến 4.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương với lãi suất từ 109,5 %/năm đến 164,25%/năm, cao gấp 5 lần đến 8,2 lần so với lãi suất tối đa theo quy định Bộ luật dân sự. Tổng số tiền mà Lê Văn S đã thu lợi bất hợp

pháp trong các giao dịch cho vay nêu trên là 32.041.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 96/CT-VKS - HS, ngày 12 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành đã truy tố Lê Văn S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S từ 24 - 30 tháng cải tạo không giam giữ.

\*/Căn cứ khoản 3 điều 36 BLHS khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo mỗi tháng cải tạo không giam giữ từ 700.000 đồng - 1.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Vật chứng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật :

-Truy thu số tiền gốc từ bị cáo S do người vay đã trả cho bị cáo S là 127.000.000 đồng và truy thu số tiền của những người vay chưa trả cho bị cáo S gồm anh Đại 10.000.000 đồng; chị Hoài 15.000.000 đồng; anh Linh 15.000.000 đồng; anh Xuân 21.000.000 đồng, ông Hoàng 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tổng số tiền 5.558.000 đồng bị cáo S đã thu của những người vay để sung công quỹ nhà nước.

- Truy thu số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm tổng số tiền 32.041.000 đồng là số tiền bị cáo S thu lợi bất chính của những người vay để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01chiếc điện thoại di động màu ghi, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, bên trong có gắn sim số 0976783823, số Imei: 355733076897005 đây là chiếc điện thoại có chứa các nội dung liên quan đến vụ án.

- Lưu theo hồ sơ vụ án các chứng cứ: 01 mẫu giấy mặt sau in chữ : GIẤY TRIỆU TẬP” mặt trước ghi chép nội dung phản ánh thời gian, tên người vay tiền, lãi suất cho vay đề ngày 13/4/2021; 01 tờ giấy biên nhận vay tiền ngày 06/11/2020 và ngày 22/11/2020 người vay tiền Nguyễn Thị H, người cho vay Lê Văn S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 20/11/2020 tên người vay Văn Đức T, người cho vay Lê Văn S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 14/12/2020 tên người vay Hoàng Thế A, người cho vay Lê Văn S theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 05/11/2020 đến ngày 01/01/2021 bị cáo S đã cho anh Hoàng Văn Đại, chị Nguyễn Thị Hoài; anh Phan Văn Linh, anh Nguyễn Văn Đàn, anh Phạm Quốc Việt, ông Hoàng Thế Anh, anh Lê Văn Xuân và anh Đậu Văn Hoàng vay tổng số tiền: 193.000.000 đồng, lãi suất từ 3.000 đồng đến 4.500 đồng/1.000.000 đồng/ ngày tương ứng với lãi suất từ 109,5 %/năm đến 164,25 %/năm, cao gấp 5,4 đến 8,2 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự quy định thu lợi bất chính tổng số tiền là 32.041.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tuy vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là liên lĩnh coi thường pháp luật, bản thân bị cáo có 1 tiền án, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quy định của nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích của công dân vì vậy cần xử lý nghiêm. Căn cứ vào quy định của pháp luật cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập đối với bị cáo từ 700.000 - 1.000.000đồng/tháng để sung quỹ nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị mới đủ tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về vật chứng: Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTD-PC, ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về xử lý khoản tiền gốc (khoản tiền cho vay) và tiền lãi trong tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

- Đối với khoản tiền gốc bị cáo S cho vay tổng 193.000.000 đồng (trong đó số tiền người vay đã trả cho bị cáo S 127.000.000 đồng; số tiền người vay chưa trả gồm anh Đại 10.000.000 đồng; chị Hoài 15.000.000 đồng; anh Linh 15.000.000 đồng; anh Xuân 21.000.000 đồng, ông Hoàng 5.000.000 đồng) xác định là phương tiện phạm tội, nên cần truy thu bị cáo S và những người có tên trên để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm tổng số tiền 5.558.000 đồng bị cáo S đã thu của những người vay, tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội. Do đó, để bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cần tịch thu sung công quỹ nhà nước khoản tiền này.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm tổng số tiền 32.041.000 đồng là khoản tiền bị cáo S thu lợi bất chính của những người vay, theo lời khai của những người vay thì mục đích vay là để kinh doanh, do đó cần buộc bị cáo S trả lại cho anh Đại 4.542.000 đồng; chị Hoài 12.944.000 đồng; anh Linh 3.542.000 đồng; anh Đoàn 2.071.000 đồng; anh Việt 1.036.000 đồng; ông Anh 2.457.000 đồng; anh Xuân 3.678.000 đồng và anh Hoàng 1.771.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động màu ghi, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, bên trong có gắn sim số 0976783823, số Imei: 355733076897005 là công cụ, phương tiện phạm tội chứa đựng các nội dung liên quan đến vụ án cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

(Vật chứng được bảo quản tại kho tang vật Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo phiếu nhập kho số: NK 128 ngày 19/7/2021).

- Lưu theo hồ sơ vụ án các chứng cứ: 01 mẫu giấy mặt sau in chữ :GIẤY TRIỆU TẬP” mặt trước ghi chép nội dung phản ánh thời gian, tên người vay tiền, lãi suất cho vay đề ngày 13/4/2021; 01 tờ giấy biên nhận vay tiền ngày 06/11/2020 và ngày 22/11/2020 người vay tiền Nguyễn Thị Hoài, người cho vay Lê Văn S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 20/11/2020 tên người vay Văn Đức Thắng, người cho vay Lê Văn S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 14/12/2020 tên người vay Hoàng Thế Anh, người cho vay Lê Văn S.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S **30 (ba mươi)** tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian tạm giữ (ngày 15/4/2021 đến ngày 21/4/2021) 6 ngày bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn S cho UBND xã Tiên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

\*/Căn cứ vào khoản 3 điều 36 BLHS khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Lê Văn S mỗi tháng cải tạo không giam giữ là: 1.000.000 (một triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

[2] Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Truy thu từ bị cáo Lê Văn S số tiền 127.000.000 đồng; truy thu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đại 10.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hoài 15.000.000 đồng; anh Phan Văn Linh 15.000.000 đồng; anh Lê Văn Xuân 21.000.000 đồng, anh Đậu Văn Hoàng 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu bị cáo Lê Văn S khoản tiền lãi 5.558.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Văn S phải trả lại khoản tiền lãi suất vượt quá 20%/năm cho Anh Hoàng Văn Đại số tiền 4.542.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hoài 12.944.000 đồng; anh Phan Văn Linh 3.542.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đàn 2.071.000 đồng; anh Phạm Quốc Việt 1.036.000 đồng; ông Hoàng Thế Anh 2.457.000 đồng; anh Lê Văn Xuân 3.678.000 đồng và anh Đậu Văn Hoàng 1.771.000 đồng.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động màu ghi, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, bên trong có gắn sim số 0976783823, số Imei: 3557330768970054.

*(Vật chứng được bảo quản tại kho tang vật Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo phiếu nhập kho số: NK 128 ngày 19/7/2021).*

- Lưu theo hồ sơ các chứng cứ: 01 mẫu giấy mặt sau in chữ :GIẤY TRIỆU TẬP” mặt trước ghi chép nội dung phản ánh thời gian, tên người vay tiền, lãi suất cho vay đề ngày 13/4/2021; 01 tờ giấy biên nhận vay tiền ngày 06/11/2020 và ngày 22/11/2020 người vay tiền Nguyễn Thị H, người cho vay Lê Văn S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 20/11/2020 tên người vay Văn Đức T, người cho vay Lê Văn S; 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 14/12/2020 tên người vay Hoàng Thế Anh, người cho vay Lê Văn S.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn S phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng),

- Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm



trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Yên Thành
- THADS Yên Thành
- Bị cáo; người QLNV & LQ
- UBND xã Tiến Thành;
- Tòa án tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ
- Công an H. Yên Thành

(Đã ký)

**Lê Thị Nhung**